KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	6,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.2%	-	-3.2%

DT thuần

2024: **10,601** tỷ VNĐ

YoY ▲ 1,070 ▲ 11.2%

LN gộp

2024: **341** tỷ VNĐ

YoY ▲ 168 ▲ 97.3%

LN thuần

2024: **-62.1** tỷ VNĐ

YoY ▲ 131 ▲ 67.8%

LN sau thuế

2024: **-7.67** tỷ VNĐ

YoY ▲ 168 ▲ 95.7%

ROE

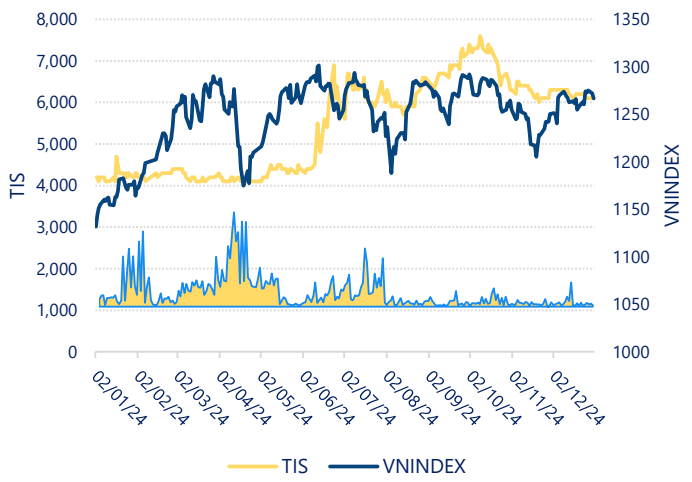
2024: **-0.5%**

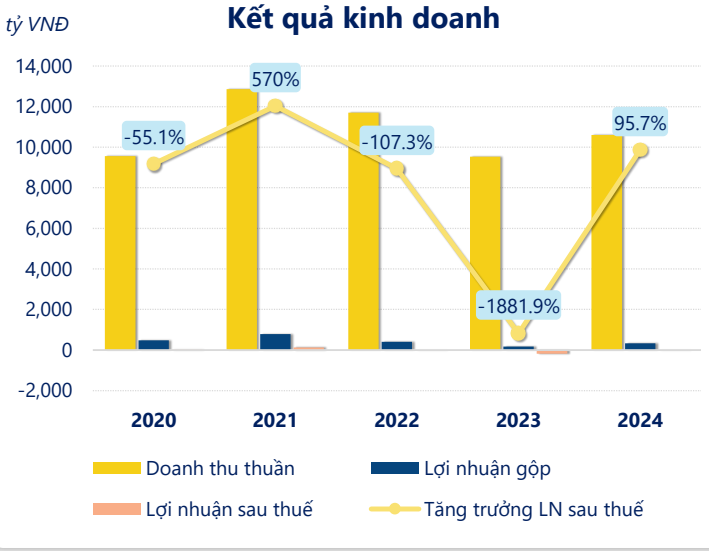
+/- YoY ▲ 9.1%

ROA

2024: **-0.1%**

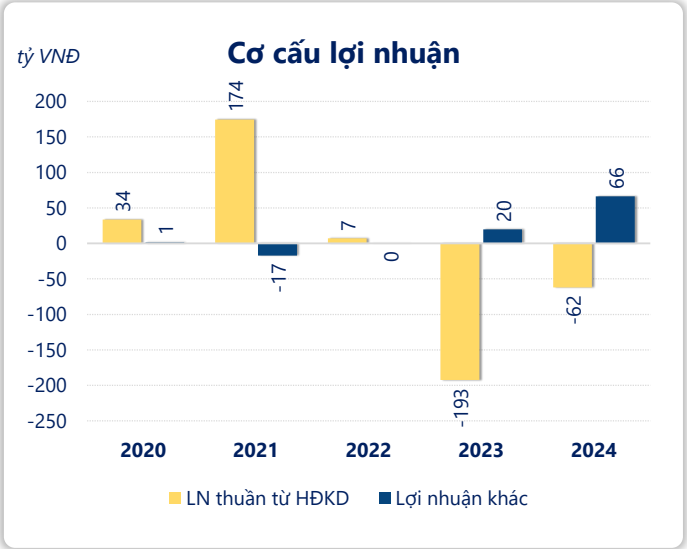
+/- YoY ▲ 1.6%

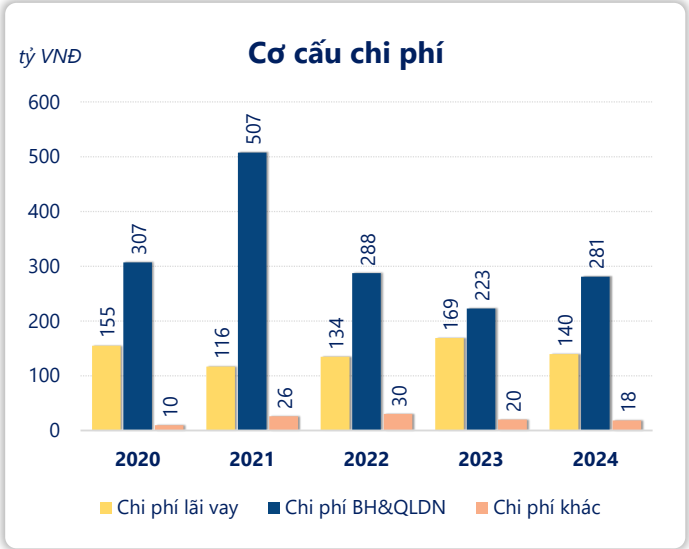




Kết quả kinh doanh **TIS** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 11.2%** đạt **10,601** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 95.7%** đạt **-7.67** tỷ đồng.

Doanh thu có sự tăng trưởng nhưng không đủ bù đắp các chi phí khiến lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng -0.51% là dấu hiệu của tình hình kinh doanh đang xấu đi.

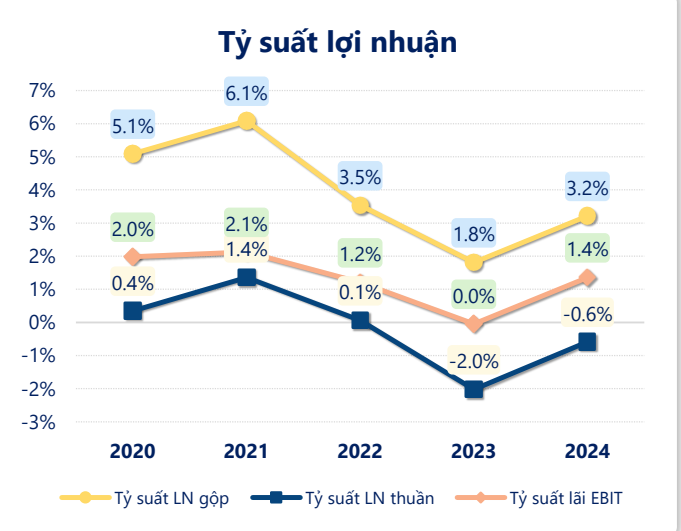


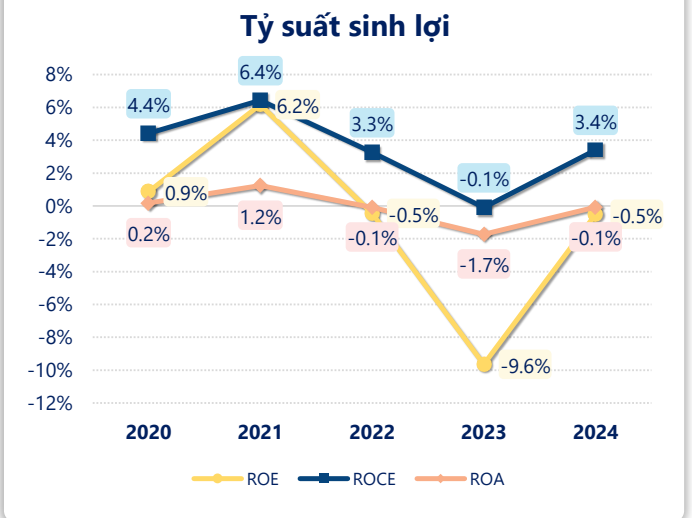


Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **TIS** năm **2024 tăng lên 130.5** tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 62.09 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2023** là 192.6 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

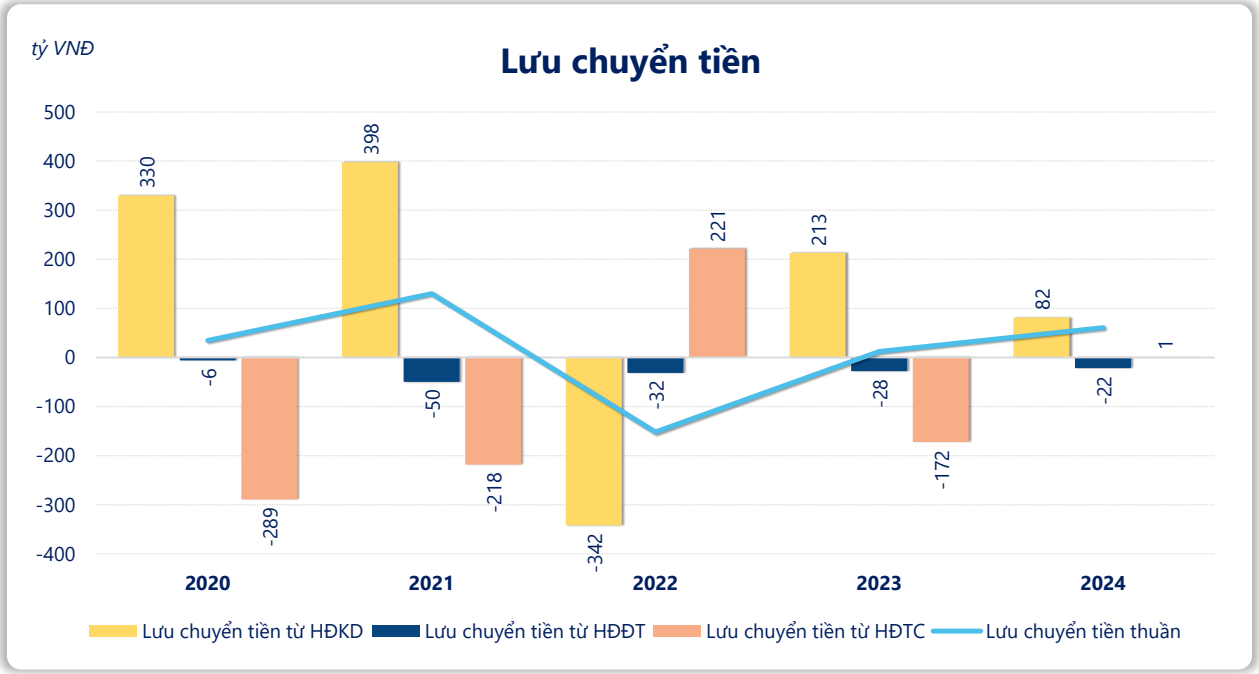
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **139.6** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **281.0** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **18.43** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của TIS năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **-0.51%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**9,566**	**12,857**	**11,699**	**9,531**	**10,601**
Giá vốn hàng bán	9,079	12,075	11,286	9,358	10,261
Lợi nhuận gộp	**487**	**782**	**413**	**173**	**341**
Doanh thu HĐTC	8.85	17.0	26.2	31.0	19.3
Chi phí TC	155	118	145	173	141
Chi phí lãi vay	**155**	**116**	**134**	**169**	**140**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	57.8	59.6	55.0	53.7	51.0
Chi phí QLDN	249	448	232	169	230
LN thuần từ HĐKD	**33.6**	**174**	**7.03**	**-193**	**-62.1**
Lợi nhuận khác	1.41	-17.4	-0.29	19.5	66.3
LN trước thuế	**35.0**	**157**	**6.74**	**-173**	**4.22**
Lợi nhuận sau thuế	**18.3**	**122**	**-8.90**	**-176**	**-7.67**
LNST của CĐ cty mẹ	**16.5**	**122**	**-9.07**	**-177**	**-8.38**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của TIS bằng **60.58** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (12.43 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **81.55** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-21.82** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **0.86** tỷ đồng.